

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Nghe tiếng Trung trung cấp 1			
Mã học phần:	71MAL440102	Số tin chỉ:	2	
Mã nhóm lớp học phần:	241_71MAL440102_01			
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:		40	phút
Thí sinh được tham khảo tài liệu:	☐ Có		☒ Không	

ĐỀ LẦN 2

Cách thức nộp bài phần tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng từ, cụm từ, mẫu câu để nghe hiểu các chủ đề liên quan đến cuộc sống hằng ngày.	Trắc nghiệm+ Tự luận	30	Phần 1, 2	3	
CLO2	Xác định ý chính của các bài nghe dài cũng như các lập luận phức tạp về các chủ đề quen thuộc khi bài nghe có cấu trúc rõ ràng.	Trắc nghiệm	30	Phần 3, 4	3	
CLO4	Sử dụng kỹ năng lặp lại nội dung của câu, thuật lại nội dung của đoạn hội thoại, đoạn văn giúp sinh viên hình thành khả năng ghi nhớ trong nghe hiểu.	Tự luận	30	Phần 5	3	

CLO6	Thể hiện thái độ không ngừng tiếp thu vận dụng kiến thức mới vào trong khả năng giao tiếp, tự tìm tòi các bài nghe phù hợp với trình độ để nâng cao kỹ năng nghe hiểu.	Trắc nghiệm	10	Phần 6	1	
-------------	--	-------------	----	--------	---	--

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN 1: 听录音，判断 A 和 B 哪个是你听到的 – Nghe và phán đoán câu nghe được là A hay B (1 điểm)

1.

A. 我上楼和下楼都坐电梯。

B. 我每次上楼都坐电梯。

ANSWER: A

2.

A. 我这个月一共迟到了三次。

B. 要是今天不迟到，这个月我只迟到两次。

ANSWER: B

3.

A. 您给我 100 块，我给您 5 块。

B. 我给您 100 块，您给我 5 块。

ANSWER: A

4.

A. 您的钱不多也不少。

B. 您的钱真好。

ANSWER: A

5.

A. 不说了，我走了。

B. 不说了，我放下电话了。

ANSWER: B

6.

A. 你的短信我没收到。

B. 我没接到他的短信。

ANSWER: A

7.

A. 我一个星期给妈妈发一次邮件。

B. 我这个星期给妈妈发了一个邮件。

ANSWER: A

8.

A. 我没收到他发给我的邮件。

B. 我没收到你给我发的邮件。

ANSWER: A

9.

- A. 弟弟吃了面包，我没吃。
B. 弟弟说他吃了面包，我没吃。

ANSWER: A

10.

- A. 你还给她词典了吗？
B. 她还给你词典了吗？

ANSWER: B

PHẦN 2: 听录音填空– Nghe và điền vào chỗ trống (2 điểm)

对话 1:

1. 怎么 () 手洗呀？
2. 洗衣机 () 我用坏了。
3. 你怎么不给房东 () 呀。
4. 房东说过，要是房间里的东西 ()，可以随时给他打电话。

对话 2:

1. 奶奶，我放学 () 了。
2. 跟昨天 ()，还是一个小时。
3. 您打完昨天的那个 () 了吗？
4. 哎呀，我 () 了保存了。

PHẦN 3: 根据短文内容选择正确答案 – Nghe và chọn đáp án đúng (1.5 điểm)

短文 1:

- | | |
|-------------|-----------|
| 1. A. 多少钱一个 | B. 多少钱一斤 |
| 2. A. 多少钱一斤 | B. 多少钱一公斤 |
| 3. A. 5 个 | B. 5 斤 |

短文 2:

- | | |
|----------------|----------------|
| 1. A. 男的 | B. 女的 |
| 2. A. 她不会用汉语拼音 | B. 她用汉语拼音发短信很慢 |
| 3. A. 接了 | B. 没接 |

PHẦN 4: 听后判断对错– Nghe và chọn đáp án đúng (1.5 điểm)

课文 1:

1. 毕业以后，“我”和志华一个在北京工作，一个在南京工作。
A. 对
B. 错

ANSWER: A

2. “我们”俩有时候互相打电话，有时候发短信。
A. 对
B. 错

ANSWER: B

3. “我”在手机里保存了志华的手机号码。

A. 对

B. 错

ANSWER: A

4. 今天下班回到家以后, “我”的手机响了。

A. 对

B. 错

ANSWER: B

5. “我”还没跟志华说完话, “我”的手机就没电了。

A. 对

B. 错

ANSWER: A

课文 2:

1. “我”写作业以前教奶奶学电脑。

A. 对

B. 错

ANSWER: B

2. 要想打开自己的邮箱, 就要先上网。

A. 对

B. 错

ANSWER: A

3. 奶奶的邮箱是雅虎的。

A. 对

B. 错

ANSWER: A

4. 奶奶输了三遍密码都没打开邮箱。

A. 对

B. 错

ANSWER: B

5. 奶奶说她不记得自己的邮箱密码了。

A. 对

B. 错

ANSWER: B

PHẦN 5: 听后重复句子 (3 điểm)

Câu 1 _____

Câu 2 _____

Câu 3 _____

Câu 4 _____

Câu 5 _____

Câu 6 _____

Câu 7

PHẦN 6: 听下列对话选择正确答案 – Nghe và chọn đáp án đúng (1 điểm)

1.

- A. 在附近走走
- B. 买礼物
- C. 逛街
- D. 去楼下买东西

ANSWER: A

2.

- A. 机场
- B. 医院
- C. 火车站
- D. 图书馆

ANSWER: A

3.

- A. 火车站
- B. 火车上
- C. 超市
- D. 出租车上

ANSWER: A

4.

- A. 每周都打球
- B. 喜欢踢足球
- C. 喜欢打电话
- D. 爱游泳

ANSWER: A

5.

- A. 不用接他
- B. 希望送他
- C. 希望接他
- D. 不用送他

ANSWER: A

☐ HẾT ○

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		5.0	
Phần 1		1.0	
Câu 1	A	0.1	
Câu 2	B	0.1	
Câu 3	A	0.1	
Câu 4	A	0.1	
Câu 5	B	0.1	
Câu 6	A	0.1	
Câu 7	A	0.1	
Câu 8	A	0.1	
Câu 9	A	0.1	
Câu 10	B	0.1	
Phần 3		1.5	
课文 1			
Câu 1	A	0.25	
Câu 2	A	0.25	
Câu 3	A	0.25	
课文 2			
Câu 1	A	0.25	
Câu 2	B	0.25	
Câu 3	B	0.25	
Phần 4		1.5	
课文 1			
Câu 1	对	0.15	
Câu 2	错	0.15	
Câu 3	对	0.15	
Câu 4	错	0.15	
Câu 5	对	0.15	
课文 2			
Câu 1	错	0.15	
Câu 2	对	0.15	
Câu 3	对	0.15	
Câu 4	错	0.15	
Câu 5	错	0.15	
Phần 6		1.0	
Câu 1	A	0.2	

Câu 2	A	0.2	
Câu 3	A	0.2	
Câu 4	A	0.2	
Câu 4	A	0.2	
II. Tự luận		5.0	
Phần 2		2.0	
课文 1			
Câu 1	用	0.25	
Câu 2	叫	0.25	
Câu 3	打电话	0.25	
Câu 4	坏了	0.25	
课文 2			
Câu 1	回来	0.25	
Câu 2	一样	0.25	
Câu 3	故事	0.25	
Câu 4	忘	0.25	
Phần 5		3.0	
Câu 1	昨天的演出很精彩。	0.4	
Câu 2	她很喜欢看爱情电影。	0.4	
Câu 3	说明书写得很详细。	0.4	
Câu 4	你最好别告诉他答案。	0.4	
Câu 5	我去邮局寄一封信。	0.4	
Câu 6	这个广告是他们公司制作的。	0.5	
Câu 7	北京大学到了，下车的乘客，请您刷卡下车。	0.5	
Điểm tổng		10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10. năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề

Đã duyệt

TS Phạm Đình Tiến

Trần Thị Ngọc Thúy